

HỆ THỐNG HÓA VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY*

Trịnh Quang Cảnh

Học viện Dân tộc
Email: canhtq@hvd.edu.vn

Ngày nhận bài: 13/7/2019
Ngày phản biện: 18/8/2019
Ngày tác giả sửa: 29/8/2019
Ngày duyệt đăng: 25/9/2019
Ngày phát hành: 30/9/2019

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/322>

Hệ thống hóa và đánh giá các công trình nghiên cứu về chính sách dân tộc là hoạt động thống kê, tập hợp những nghiên cứu về chính sách dân tộc, đồng thời sắp xếp các công trình theo một bộ tiêu chí xác định, thành một chỉnh thể để thuận lợi cho việc hình thành cái nhìn tổng thể, khái quát và toàn diện về chính sách dân tộc. Từ cơ sở lý luận về “hệ thống hóa” và “đánh giá” các công trình nghiên cứu về chính sách dân tộc từ năm 1986 đến nay rút ra những thành công và khoảng trống trong nghiên cứu chính sách dân tộc và ban hành chính sách dân tộc. Từ đó, khuyến nghị, ban hành chính sách dân tộc giai đoạn 2019-2025 và giai đoạn tiếp theo nhằm thực hiện tốt đường lối đổi mới của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở vùng đông bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi.

Từ khóa: Hệ thống hóa các công trình nghiên cứu; Chính sách dân tộc; Đánh giá các công trình nghiên cứu; Vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

1. Đặt vấn đề

Sau hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước (từ năm 1986 đến nay), hệ thống chính sách dân tộc ngày càng hoàn thiện đã và đang đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng đông bào DTTS và miền núi. Để có được thành quả đó phải kể đến đóng góp quan trọng của các công trình nghiên cứu về chính sách dân tộc. Các nghiên cứu từ năm 1986 đến nay đã và đang cung cấp các luận cứ khoa học, khách quan bằng những minh chứng cụ thể thông qua các nghiên cứu, điều tra, khảo sát với cách tiếp cận đa chiều, nhiều cấp từ Trung ương tới địa phương, đặc biệt là tiếng nói của người dân trong việc hoạch định, xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc.

Từ việc hệ thống hóa, đánh giá các công trình nghiên cứu về chính sách dân tộc từ khi đổi mới đến nay, công trình nghiên cứu đưa ra định hướng, giải pháp cho hệ thống chính sách dân tộc đến năm 2030 và giai đoạn tiếp theo nhằm thực hiện tốt đường lối đổi mới của Đảng trong bối cảnh hội nhập quốc tế

hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Các công trình nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận về chính sách dân tộc

Các vấn đề của chính sách dân tộc được tiếp cận từ những góc độ khác nhau như: Quan điểm, loại hình; bối cảnh ra đời và thực hiện chính sách; chính sách đối với các khu vực đặc thù; các vấn đề đánh giá chính sách, định hướng chính sách, quan hệ dân tộc trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách; vấn đề quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách; đổi mới chính sách; tiếp tục xác định các vấn đề lý luận và thực tiễn, cơ sở khoa học của chính sách... Tiêu biểu là các công trình như: Viện nghiên cứu chính sách dân tộc và miền núi (2002), *Vấn đề dân tộc và định hướng xây dựng chính sách dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia; Hoàng Thu Thủy (2014), *Luận án tiến sĩ lịch sử, mã số 62 22 56 01, Quá trình thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta ở một số tỉnh miền núi Đông Bắc Việt*

* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Nhà nước: “Hệ thống hóa và đánh giá các nghiên cứu về chính sách dân tộc của Việt Nam từ năm 1986 đến nay”. Mã số CTDT 06-16/2016-2020.

Nam từ năm 1996 đến năm 2010, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Lê Ngọc Thắng (2009-2012), Đề tài cấp Nhà nước, *Nghiên cứu, đánh giá chính sách đối với các dân tộc thiểu số thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ở nước ta*; Phan Văn Hùng (2015), Đề tài cấp Nhà nước KX04/15, *Những vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và định hướng hoàn thiện chính sách dân tộc ở nước ta*; Bế Trường Thành (2015), Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, *Cơ sở khoa học đổi mới chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020*; Giàng Seo Phử (2014), Đề tài nghiên cứu trọng điểm cấp Bộ, *Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn quản lý nhà nước về công tác dân tộc thời kỳ đổi mới, đề xuất quan điểm, định hướng, giải pháp nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong thời gian tới*; Trịnh Quang Cảnh (2009), Dự án điều tra cấp Bộ, *Đánh giá hiệu quả một số dự án bảo tồn và phát triển một số dân tộc rất ít người (Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Brâu, Ở Đu)*; Trịnh Quang Cảnh (2012), Dự án điều tra cấp Bộ, *Điều tra, đánh giá tác động của một số chính sách phát triển kinh tế xã hội ảnh hưởng đến môi trường trong thời gian qua. Đề xuất giải pháp hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường vùng dân tộc thiểu số và miền núi*; Trịnh Quang Cảnh (2015), Dự án điều tra cấp Bộ, *Điều tra, đánh giá kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách dân tộc giai đoạn 2011 – 2015 do Ủy ban Dân tộc quản lý*. Phan Hữu Dật, Ngô Đức Thịnh, Lê Ngọc Thắng, Nguyễn Xuân Độ (1995), Chương trình Nghiên cứu Khoa học cấp Nhà nước KX-06 năm 1995 – 2000, *Sắc thái văn hoá địa phương và tộc người trong chiến lược phát triển đất nước*; Phạm Quang Hoan (1998), Đề tài cấp Bộ, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững vùng dân tộc và miền núi Việt Nam*; Lâm Bá Nam (2011), Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc Việt Nam hiện đại...*

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên đã nghiên cứu có tính toàn diện, sâu sắc trên nhiều bình diện nhiều góc cạnh của chính sách dân tộc ở nước ta. Vấn đề chính sách dân tộc trên phạm vi cả nước thời kỳ đổi mới được tiếp cận đa chiều, sâu sắc hơn giai đoạn trước năm 1986. Có thể thấy rằng, các nghiên cứu trên là một bước tiến quan trọng, đã góp phần nhận diện, nhận thức sâu sắc bản chất, yêu cầu, tính đặc thù của chính sách dân tộc ở Việt Nam trong từng giai đoạn cụ thể.

2.2. Các công trình nghiên cứu làm rõ chính sách dân tộc theo lĩnh vực

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về xóa đói giảm nghèo phát triển kinh tế xã hội ở vùng DTTS,

tiêu biểu là: Hà Quế Lâm (2003), *Xóa đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay - thực trạng và giải pháp*; Hoàng Văn Phần (2004), *Nghiên cứu giải pháp xóa đói giảm nghèo vững chắc trên địa bàn Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi vùng sâu, vùng xa chương trình 135*; Bùi Xuân Đỉnh và Nguyễn Ngọc Thanh (đồng chủ biên), *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội các tỉnh biên giới Việt Nam*.

Nghiên cứu về văn hóa, xã hội và thực hiện chính sách văn hóa, xã hội ở vùng đồng bào DTTS đã được nhiều nhà khoa học quan tâm. Tiêu biểu là nghiên cứu của Huỳnh Thanh Quang (2010), *Phát huy giá trị văn hoá Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay*, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh; Nguyễn Văn Nam (1994-1995), Đề tài cấp Bộ, *Xu hướng vận động của quan hệ dân tộc khu vực Tây Nguyên và đặc điểm chính sách dân tộc đối với Tây Nguyên*; Trịnh Quốc Tuấn (1996), *Bình đẳng dân tộc ở nước ta hiện nay - Vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; K'sor Phước (2006), Đề tài cấp Bộ, *Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm giữ vững ổn định chính trị và đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số*; Phan Văn Hùng (2006), Dự án cấp Bộ, *Điều tra, đánh giá xây dựng báo cáo tổng quan hiện trạng môi trường vùng dân tộc và miền núi*; Trịnh Quang Cảnh (2012), Dự án điều tra cấp Bộ, *Đánh giá tác động một số chính sách phát triển kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến môi trường thời gian qua. Đề xuất giải pháp hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường vùng dân tộc thiểu số và miền núi*; Ngô Quang Sơn (2013-2015), Đề tài cấp Nhà nước, *Nghiên cứu khả năng ứng phó với thiên tai và đề xuất giải pháp tổng thể nâng cao năng lực phòng tránh của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên...* Các công trình khoa học đã quan tâm nghiên cứu thực trạng môi trường và việc thực hiện chính sách bảo vệ môi trường ở vùng đồng bào DTTS; từ đó làm rõ các nhân tố ảnh hưởng, các vấn đề đặt ra và cách thức giải quyết để bảo vệ môi trường ở vùng đồng bào DTTS và miền núi. Nhìn chung, các công trình trên đã tiếp cận các vấn đề khá đa chiều trong chính sách dân tộc về kinh tế - xã hội, văn hóa, du lịch, nguồn nhân lực, cán bộ, hệ thống chính trị quản lý nhà nước về công tác dân tộc và chính sách dân tộc. Tuy nhiên, các nghiên cứu tiếp cận các vấn đề chính sách trong những năm cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI nên nhiều vấn đề đặt ra về chính sách dân tộc trong bối cảnh tình hình mới chưa được cập nhật và chưa có những khuyến nghị đáp ứng yêu cầu mới đặt ra.

2.3. Các công trình nghiên cứu làm rõ chính sách dân tộc theo vùng

Đối với vùng miền núi phía Bắc, nhiều công trình nghiên cứu tập trung vào các vấn đề giảm nghèo, chính sách phát triển trong quan hệ dân tộc qua biên giới Việt -Trung, phát triển nguồn nhân lực... Tiêu biểu như: Phạm Văn Dương (2003), *Đề tài cấp Bộ, Nghiên cứu bài học kinh nghiệm về xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*; Lò Giảng Páo (2008), *Đề tài cấp Bộ, Nghiên cứu một số điển hình tiên tiến dân tộc thiểu số thực hiện tốt chính sách dân tộc vùng miền núi phía Bắc*; Nguyễn Hồng Sinh (1999), *Đề tài cấp Bộ, Một số giải pháp chính sách và giải pháp chủ yếu cấp bách nhằm phát triển quan hệ thương mại khu vực biên giới Việt-Trung*; Nguyễn Lâm Thành (2014), *Luận án tiến sĩ mã số 62 34 82 01, Chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc*; Trần Văn Trung (2015), *Luận án tiến sĩ Quản lý hành chính công mã số 62 34 82 01, Phát triển nguồn nhân lực trẻ vùng Tây Bắc Việt Nam,...*

Đối với vùng Tây Nguyên có thể kể đến các công trình nghiên cứu như: Bùi Minh Đạo (2012-2015), *Đề tài cấp Nhà nước thuộc Chương trình Tây Nguyên 3, mã số TN3/X18, Vai trò của một số nhóm xã hội của các dân tộc thiểu số tại chỗ trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên*; Lò Giảng Páo (2009), *Đề tài cấp Bộ, Nghiên cứu một số điển hình tiên tiến dân tộc thiểu số thực hiện tốt chính sách dân tộc ở vùng Tây Nguyên và Tây Nam Bộ*; Phạm Quang Hoan (2012-2014), *Đề tài cấp Nhà nước thuộc Chương trình Tây Nguyên 3, mã số TN3/X05, Đô thị hóa và quản lý quá trình đô thị hóa trong phát triển bền vững ở Tây Nguyên*; Bùi Tất Thắng (2013-2015), *Đề tài cấp Nhà nước mã số TN3/X08, Vấn đề giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho phát triển bền vững Tây Nguyên*; Nguyễn Anh Tuấn (2011-2014), *Đề tài cấp Nhà nước, mã số KHCN-TN3/11-15, Vấn đề quản lý và sử dụng đất đai ở Tây Nguyên*; Hà Hùng (2014), *Đề tài trọng điểm cấp Bộ, Nghiên cứu thực trạng, đề xuất các giải pháp giảm nghèo bền vững cho đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ*. Nỗ lực tiếp cận chính sách dân tộc theo vùng trên đây là một sự cố gắng lớn, với cái nhìn mới, biện chứng gắn với sự vận động của đất nước và nhu cầu, tình hình, đặc điểm phát triển của các vùng dân tộc. Tuy nhiên, chính sự vận động và tác động toàn diện của tình hình đất nước và quốc tế, đòi hỏi các nghiên cứu chính sách theo vùng cần có thêm những đánh giá phản biện chính sách, những hạn chế của các văn bản chính sách, từ đó góp phần cung cấp luận cứ khoa học xác

thực, góp phần nâng cao hiệu quả chính sách dân tộc trong giai đoạn mới.

2.4. Các nghiên cứu chính sách dân tộc của các tổ chức quốc tế

Kể từ khi đổi mới đến nay, các học giả người nước ngoài quan tâm ngày càng sâu vấn đề chính sách dân tộc ở Việt Nam. Tiêu biểu là các công trình nghiên cứu về chính sách dân tộc ở nước ta như: Moto F. (1989), *Chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam; Donovan D, Rambo T.A, Fox J, Lê Trọng Cúc, Trần Đức Viên (1997), *Những xu hướng phát triển ở vùng núi phía Bắc Việt Nam*; Neil Jamieson: *Socio – economic Overview of the Northern Mountain Region and the Project for Poverty Reduction in the Northern Mountain Region of Vietnam, 2000* (Tổng quan về tình hình kinh tế – xã hội khu vực miền núi phía Bắc và Dự án giảm nghèo ở khu vực miền núi phía Bắc), Ngân hàng Thế giới; MPI (2005), *Đánh giá dự án phát triển cơ sở hạ tầng vùng nông thôn dựa vào cộng đồng (CBRIIP) và Dự án giảm nghèo vùng miền núi phía Bắc* (NMPRP), Bộ Kế hoạch Đầu tư, Hà Nội; IEMA và P.McElwee (2005), *Nghiên cứu chính sách định canh, định cư ở Việt Nam trong khuôn khổ đầu tư của Chương trình 135*, IEMA, Hà Nội; Nhóm tác giả Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Việt Nga, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Văn Thực (2015), *Báo cáo Tổng quan nghiên cứu về giảm nghèo ở Việt Nam* do UNDP, Irish Aid và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp... Các kết quả nghiên cứu đã bám sát thực tiễn của vùng dân tộc và miền núi; nội dung nghiên cứu không chỉ làm rõ các lĩnh vực kinh tế - xã hội mà còn những vấn đề cấp bách cần xử lý; gồm các vấn đề trước mắt và những vấn đề cơ bản, chiến lược lâu dài, thiết thực phục vụ nhiệm vụ công tác dân tộc.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp luận chung của các ngành khoa học, gồm phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, phương pháp logic, phương pháp hệ thống; phương pháp chuyên ngành của nhân học, dân tộc học, xã hội học và chính trị học. Đặc biệt, trong đó là phương pháp kế thừa tài liệu, phương pháp thống kê, phân tổ, phương pháp chuyên gia.

4. Nội dung nghiên cứu

4.1. Kết quả, đóng góp của các công trình nghiên cứu

Qua hệ thống hóa các nghiên cứu về chính sách dân tộc ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay cho thấy, đã có hàng nghìn công trình nghiên cứu trực tiếp,

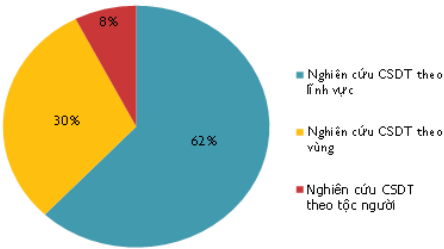
gián tiếp liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, môi trường... vùng DTTS và miền núi.

Bảng 1. Tổng hợp các công trình nghiên cứu về chính sách dân tộc

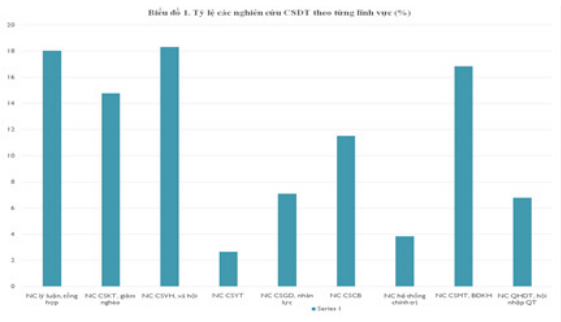
STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
I	Nghiên cứu chính sách dân tộc theo lĩnh vực	338	62,0
1	Nghiên cứu lý luận, tổng hợp	61	11,2
2	Nghiên cứu Chính sách kinh tế (CSKT), giảm nghèo	50	9,2
3	Nghiên cứu chính sách văn hóa (CSVH), xã hội	62	11,4
4	Nghiên cứu chính sách y tế	9	1,7
5	Nghiên cứu chính sách giáo dục (CSGD), nguồn nhân lực	24	4,4
6	Nghiên cứu chính sách cán bộ	39	7,2
7	Nghiên cứu về hệ thống chính trị	13	2,4
8	Nghiên cứu chính sách về môi trường, Biến đổi khí hậu (BĐKH)	57	10,5
9	Nghiên cứu chính sách quan hệ dân tộc (QHDT), hội nhập quốc tế	23	4,2
II	Nghiên cứu chính sách dân tộc theo vùng	166	30,5
10	Nghiên cứu CSDT vùng Miền núi phía Bắc	50	9,2
11	Nghiên cứu CSDT vùng Duyên hải miền Trung	15	2,8
12	Nghiên cứu CSDT vùng Tây Nguyên	75	13,8
13	Nghiên cứu CSDT vùng Nam Bộ	9	1,7
14	Nghiên cứu CSDT vùng đặc biệt khó khăn(ĐBKK)	17	3,1
III	Nghiên cứu chính sách dân tộc theo tộc người	41	7,5
Tổng cộng		545	100

Nguồn: Kết quả tổng hợp của đề tài cấp Nhà nước “Hệ thống hóa và đánh giá các nghiên cứu về chính sách dân tộc của Việt Nam từ năm 1986 đến nay”

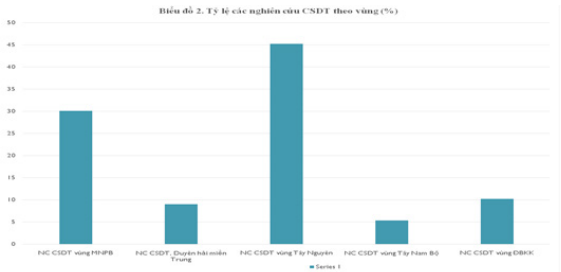
HỆ THỐNG HÓA CÁC NGHIÊN CỨU VỀ CSDT



Biểu đồ 1: Hệ thống hóa các nghiên cứu về chính sách dân tộc



Biểu đồ 2: Tỷ lệ các công trình nghiên cứu chính sách dân tộc theo các lĩnh vực



Biểu đồ 3: Tỷ lệ các công trình nghiên cứu chính sách dân tộc theo vùng

Trong 41 nghiên cứu chính sách theo tộc người thu thập được, các công trình nghiên cứu về chính sách dân tộc theo tộc người chỉ chiếm 8%. Các nhà nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các dân tộc có dân số ít, rất ít, hoặc dân tộc khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao. Trong thời gian qua, các nhà nghiên cứu quan tâm nhiều đến việc xây dựng và thực hiện chính sách theo từng lĩnh vực cụ thể trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, nghiên cứu chính sách dân tộc theo tộc người còn hạn chế.

Kết quả hệ thống hóa, đánh giá các nghiên cứu về chính sách dân tộc từ năm 1986 đến nay đã chỉ ra thành công, hạn chế, bất cập của các nghiên cứu chính sách dân tộc.

Thứ nhất, các kết quả nghiên cứu đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận về dân tộc và chính sách dân tộc, quan hệ dân tộc, làm cơ sở định hướng cho hoạch định chính sách dân tộc. Các nghiên cứu làm rõ tính toàn diện, cũng như việc cụ thể hóa đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về dân tộc và chính sách dân tộc.

Thứ hai, các nghiên cứu đã góp phần làm rõ thực trạng đời sống kinh tế, xã hội của đồng bào DTTS.

Thứ ba, các nghiên cứu đã góp phần đánh giá, nhận diện về quy trình xây dựng chính sách dân tộc. Chỉ ra những bất cập, hạn chế trong công tác xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay...

Thứ tư, các công trình đã trực tiếp góp phần đề xuất nhiều chính sách, trong đó có chính sách về xóa đói giảm nghèo.

Thứ năm, các nhà khoa học đã quan tâm nghiên cứu vấn đề môi trường và chính sách bảo vệ môi trường vùng đồng bào DTTS và miền núi ở nước ta.

Thứ sáu, nhiều nghiên cứu đã góp phần làm rõ thực trạng, đề xuất giải pháp chính sách để nâng cao trình độ dân trí, chăm sóc sức khỏe, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào DTTS.

Thứ bảy, các nghiên cứu đã cung cấp cơ sở khoa học, đề xuất chính sách cán bộ là người DTTS.

Thứ tám, các công trình nghiên cứu đã cung cấp cơ sở khoa học, đề xuất chính sách phát huy dân chủ, xây dựng hệ thống chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh ở vùng đồng bào DTTS và miền núi.

4.2. Một số hạn chế trong xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc từ năm 1986 đến nay

Qua hệ thống, đánh giá chính sách dân tộc từ năm 1986 đến nay, chúng tôi nhận thấy hệ thống chính sách dân tộc còn bộc lộ những hạn chế sau:

Thứ nhất, về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc

Việc chồng chéo trong hệ thống chính sách dân tộc dẫn tới việc điều phối chính sách trên thực tế gặp khó khăn. Các chính sách dân tộc được thiết kế theo ngành, lĩnh vực khá độc lập nhau, đôi khi còn thiếu sự gắn kết các chính sách trong một ngành (giáo dục, y tế...) và giữa các ngành khác nhau tạo ra tính phân tán, chồng chéo, không thể thực hiện việc điều phối chung để đạt hiệu quả một cách toàn diện và tổng thể (Ủy ban Dân tộc, UNDP & Irish Aid, 2017, 35).

Sự chồng chéo về chính sách dân tộc thể hiện ở ba khía cạnh chính là nội dung, đối tượng thụ hưởng và thời gian thực hiện chính sách trên cùng một địa bàn. Ví dụ, về nội dung, có tới 6 chính sách

hỗ trợ nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Về đối tượng thụ hưởng, hộ nghèo DTTS ở Đồng bằng sông Cửu Long là nhóm đối tượng hưởng nhiều chính sách giảm nghèo nhất, do ngoài chính sách chung, còn có một chính sách riêng, mang tính đặc thù theo Quyết định 74/2008/QĐ-TTg ngày 09/06/2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008-2010 và nay là Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013.

Thứ hai, vấn đề vốn và phân bổ nguồn lực

Trong những năm qua, một số chính sách dân tộc được xây dựng trong bối cảnh nguồn lực chưa rõ ràng và hạn chế, nên các nguồn lực tuy được bố trí nhưng ở mức thấp. Báo cáo nghiên cứu rà soát chính sách dân tộc và đề xuất xây dựng hệ thống chính sách dân tộc đến năm 2020 đã chỉ ra hàng loạt chính sách tín dụng cho người nghèo rơi vào tình trạng này. Cụ thể, theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn thì vốn vay cho phát triển sản xuất mặc dù có lãi suất 0% nhưng định mức vay chỉ 5 triệu đồng/hộ. Cũng theo một nghiên cứu của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) và UNDP thì chỉ có khoảng 20% số hộ nghèo được vay vốn vì nguồn vốn vay quá hạn chế...

Thứ ba, vấn đề về năng lực cán bộ thực hiện chính sách dân tộc

Một số nghiên cứu chỉ ra rằng “Một số cán bộ cơ sở chỉ chú trọng thực hiện chính sách để làm, có lợi cho bản thân và gia đình, không tích cực thực hiện các chính sách ít có lợi cho bản thân và gia đình, khó triển khai”. Đồng thời sự phân cấp, phân quyền cho cán bộ cũng ảnh hưởng tới việc triển khai chính sách “Nhiều cán bộ cơ sở vẫn còn tư tưởng ngại phân cấp cho cấp dưới, nhất là việc phân cấp làm chủ đầu tư dự án” (Thắng, 2011).

Thứ tư, một số chính sách chưa phù hợp với đặc điểm vùng và người dân tộc thiểu số

Có nghiên cứu chỉ ra sự chưa phù hợp trong Chương trình 135 giai đoạn II, “Hợp phần tập huấn có sự không phù hợp đó là mô hình thí điểm làm ở diện tích có điều kiện tương đối thuận lợi, trong khi thực tế nhiều mảnh ruộng ở địa hình rất cao, rất manh mún, thiếu nước tưới, không thể gửi phân lên cao, chỉ thực hiện bón phân 1 lần/vụ; không đủ vốn để đầu tư theo yêu cầu kỹ thuật; một số hộ có nội lực nhưng thấy quá vất vả, khó khăn nên không làm

theo. Hay chương trình giảm nghèo phát máy gặt lúa nhưng không sử dụng được do không phù hợp với địa hình và điều kiện canh tác của địa phương. Chính sách hỗ trợ việc làm chưa phù hợp với tập quán không thích xa nhà của người DTTS, do vậy nỗ lực xuất khẩu lao động không thực hiện được...” (Ủy ban Dân tộc & UNDP, 2012, 39).

Thứ năm, một số chính sách hiệu quả chưa cao

Mặc dù, hệ thống chính sách đã bao phủ toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi nhưng thực tế hiệu quả một số chính sách vẫn chưa như mong đợi, cụ thể: (i) Có sự cải thiện nhưng khoảng cách giàu nghèo ngày càng gia tăng, nghèo đói dai dẳng trong các DTTS vẫn là vấn đề nổi cộm. (ii) Việc tiếp cận rất hạn chế đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, y tế nhất là các dịch vụ y tế miễn phí cho người DTTS.

4.3. Những vấn đề cần quan tâm khi nghiên cứu và ban hành chính sách

- Chính sách phát triển tộc người đối với các DTTS phải được đặt trong hệ thống chính sách dân tộc nhằm giải quyết hài hòa giữa lợi ích tộc người và lợi ích quốc gia, giữa phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Vấn đề dân tộc luôn được coi là vấn đề chiến lược nặng về tính chất chính trị trong các giai đoạn cách mạng trước đây ở nước ta, nay chuyển sang vấn đề chiến lược của chính sách dân tộc mà trọng tâm là về kinh tế và phát triển. Vấn đề cốt lõi trong đó là thực sự tôn trọng người DTTS, coi trọng họ, đời sống, sinh hoạt của họ cả trong nhận thức lẫn trong việc làm từ chính sách đầu tư, hoạch định chính sách, đến xây dựng và triển khai các chương trình, dự án.

- Đa dạng hóa chính sách trong phát triển.

Từ thực tiễn của đất nước đa dân tộc, mỗi dân tộc có những đặc điểm lịch sử, kinh tế, xã hội, văn hoá riêng, điều kiện tự nhiên mỗi vùng, mỗi dân tộc một khác dẫn đến việc chính sách dân tộc và những chủ trương, biện pháp thực hiện các chính sách phải rất đa dạng, phù hợp với từng vùng, từng dân tộc hay nhóm dân tộc; tạo ra nhiều cách lựa chọn, nhiều cách đi, nhiều cách giải quyết đối với mỗi vấn đề, mỗi vùng, mỗi dân tộc.

- Thường xuyên đánh giá tổng kết chính sách dân tộc trong vấn đề dân tộc.

Đến thời điểm hiện nay, việc đẩy mạnh nghiên cứu, phân tích chính sách và các biện pháp thực hiện chính sách để rút ra bài học về thành công trong việc thực hiện chính sách dân tộc, đặc biệt là bài học kinh nghiệm thực tiễn phải trả giá về cách triển khai các biện pháp rập khuôn không phù hợp

với vùng dân tộc và từng dân tộc, đã trở thành vấn đề cấp thiết.

- Nghiên cứu các chính sách về bảo tồn, làm giàu và phát triển các giá trị văn hóa dân tộc phục vụ phát triển bền vững.

Việc xây dựng bất cứ chương trình, dự án phát triển nào cũng cần quán triệt quan điểm kế thừa và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc, của mỗi dân tộc; có cái nhìn xuất phát từ nền văn hoá của mỗi dân tộc, mỗi vùng. Cần có quan điểm nghiên cứu và kế thừa một cách thực sự những ứng xử văn hoá, kiến thức, tri thức địa phương, hệ thống quản lý cộng đồng truyền thống của mỗi dân tộc trong phát triển DTTS.

- Coi trọng chủ thể văn hóa và chủ thể phát triển trong quá trình xây dựng và triển khai chính sách.

Trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách không áp đặt dưới mọi hình thức đối với vấn đề phát triển của từng dân tộc, từng cộng đồng. Vấn đề quan trọng là phải làm cho người dân - chủ thể văn hóa, chủ thể phát triển, tự nhận thức, tự thấy nhu cầu phải đổi mới, thay đổi và phát triển. Nhà nước, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi Chính phủ không được gò ép, làm thay, áp đặt. Xây dựng ý thức tự giác của mỗi người dân đối với sự phát triển là yêu cầu sống còn của mỗi dân tộc.

- Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển con người và đội ngũ cán bộ người DTTS, đặc biệt quan tâm tới việc xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực các DTTS để có thể phát huy có hiệu quả nội lực của các dân tộc.

4.4. Một số khuyến nghị

Qua hệ thống hóa và đánh giá các nghiên cứu về chính sách dân tộc từ năm 1986 đến nay chúng tôi nhận thấy, ngoài những kết quả đạt được, chính sách dân tộc trong thời gian tới cần phải đổi mới trong xây dựng và thực thi chính sách theo những nội dung sau:

Một là, đổi mới cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc theo hướng tập trung ở một đầu mối ở một Bộ trong xây dựng, kiểm tra, đánh giá và thực hiện chính sách dân tộc để giảm sự trùng chéo.

Hai là, đổi mới chính sách dân tộc theo hướng tập trung nguồn lực, tránh dàn trải, manh mún, phân tán nguồn lực.

Ba là, chính sách dân tộc cần đổi mới theo hướng trao quyền, cơ hội cho người DTTS.

Bốn là, chính sách tập trung nâng cao năng lực để đồng bào DTTS tiếp cận các cơ hội phát triển, nội lực ở vùng DTTS và miền núi.

Bốn là, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong

xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc cho địa phương, vùng DTTS và miền núi.

Năm là, chính sách phát triển kinh tế, giảm nghèo cần thực hiện đồng bộ và được đầu tư hỗ trợ từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

Qua nghiên cứu, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị chính sách cụ thể sau:

Thứ nhất, thực hiện đồng bộ chính sách phát triển theo vùng dân tộc và chính sách phát triển theo tộc người tránh trùng lặp, manh mún.

Thứ hai, cần có các chính sách dân tộc nhằm phát triển, nâng cao thể lực, chất lượng môi trường sống và không gian sinh tồn cho các tộc người.

Thứ ba, tăng cường đầu tư các chính sách dân tộc về phát triển giáo dục đào tạo vùng DTTS và miền núi.

Thứ tư, tạo nguồn để xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý lãnh đạo là người DTTS cả về tri thức khoa học và bản lĩnh chính trị.

Đặc biệt, trong quá trình nghiên cứu chính sách dân tộc cần đẩy mạnh hơn nữa các nghiên cứu phân biệt chính sách, ưu tiên các nghiên cứu phân biệt văn bản chính sách, bảo đảm các nội dung của chính sách và sự tham gia đồng thuận của các bên liên quan, đồng thời triển khai thực hiện thí điểm chính sách trước khi ban hành và thực hiện rộng rãi đến vùng đồng bào DTTS và miền núi.

5. Kết luận

Chính sách dân tộc là nội dung quan trọng của công tác dân tộc. Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, công tác nghiên cứu chính sách dân tộc được giới nghiên cứu nước ta quan tâm sâu sắc, đặc biệt từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, mở cửa hội nhập nền kinh tế thế giới. Những thành tựu to lớn trong nghiên cứu về chính sách dân tộc đã góp phần hoàn thiện chính sách trong mỗi giai đoạn lịch sử, góp phần tích cực đưa chính sách dân tộc vào cuộc sống ở vùng đồng bào các DTTS và miền núi. Tuy nhiên, công tác nghiên cứu chính sách dân tộc từ sau năm 1986 vẫn còn một số khoảng trống cần quan tâm làm sáng tỏ, góp phần xây dựng hệ thống chính sách dân tộc phù hợp, khách quan và khoa học.

Để chính sách đi vào cuộc sống của người dân nói chung và cộng đồng DTTS nói riêng trong thời gian tới, Trung ương Đảng cần tiếp tục tổng kết, đánh giá việc triển khai các nghị quyết của Đảng về công tác dân tộc; Quốc hội đưa vào chương trình công tác năm, nhiệm kỳ nội dung quyết định chính sách, quyết định ngân sách để thực hiện chính sách dân tộc hiệu quả; Chính phủ cần đẩy mạnh phân cấp cho địa phương trong việc tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc để đảm bảo tính linh hoạt, phù hợp với đặc điểm, đặc thù từng vùng, từng dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- Anh, Đ. N. (2006). *Chính sách di dân trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh miền núi*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
- Cánh, T. Q. (2005). *Phát huy vai trò đội ngũ trí thức các dân tộc thiểu số nước ta trong sự nghiệp cách mạng hiện nay*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Cánh, T. Q. (2008). *Điều tra, đánh giá thực trạng đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*.
- Cánh, T. Q. (2009). *Đánh giá hiệu quả một số dự án bảo tồn và phát triển một số dân tộc rất ít người (Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu)*.
- Cánh, T. Q. (2010). *Vấn đề việc làm thanh niên người dân tộc thiểu số trong thời kỳ hội nhập WTO thực trạng và giải pháp*.
- Cúc, N., Thảo, L. P., & Hùng, D. (2005). *Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa - Luận cứ và giải pháp*. Hà Nội: Nxb. Lý luận Chính trị.
- Dật, P. H., & Nam, L. B. (2001). *Chính sách dân tộc của các chính quyền nhà nước phong kiến Việt Nam (X-XIX)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Diễn, K. (1996). *Những đặc điểm kinh tế - xã hội các dân tộc miền núi phía Bắc*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Hùng, P. V. (2007a). *Một số vấn đề về môi trường vùng dân tộc và miền núi*. Thông tin Khoa học Dân tộc, Ủy ban Dân tộc.
- Hùng, P. V. (2007b). *Phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Khanh, Đ. C. (2006). *Nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số - Những phân tích xã hội học*. Hà Nội: Nxb. Thanh niên.
- Lâm, H. Q. (2002). *Xoá đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay - thực trạng và giải pháp*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Ma, H. V. (2002). *Ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam - một số vấn đề về quan hệ cộng đồng và loại hình học*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

- Son, T. H. (1997). *Văn hoá dân gian Lào Cai*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Son, T. H. (2004). *Xây dựng đời sống văn hoá ở vùng cao*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Thắng, L. N. (2011). *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Thành, N. Đ. (2010). *Một số vấn đề về phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- UNICEF & Ủy ban Dân tộc và Miền núi. (2001). *Một số vấn đề về người thiểu số trong luật quốc tế*. Hà Nội.
- Ủy ban Dân tộc. (2002). *Miền núi Việt Nam – Thành tựu và Phát triển những năm đổi mới*. Hà Nội: Nxb. Nông nghiệp.
- Ủy ban Dân tộc & UNDP. (2012). *Báo cáo nghiên cứu rà soát các chính sách dân tộc và đề xuất xây dựng hệ thống chính sách dân tộc thiểu số đến năm 2020*. Hà Nội, 39.
- Ủy ban Dân tộc, UNDP & Irish Aid. (2017). *Báo cáo Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 Dân tộc thiểu số dựa trên kết quả phân tích số liệu điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015*. Hà Nội, 35.
- Ủy ban Dân tộc và Miền núi. (2001a). *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 22/NQ-TW của Bộ Chính trị và Quyết định 72/HĐBT của Chính phủ*. Hà Nội.
- Ủy ban Dân tộc và Miền núi. (2001b). *Các Dân tộc thiểu số Việt Nam thế kỷ XX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Viện Dân tộc (Ủy ban Dân tộc). (2006a). *60 năm công tác dân tộc thực tiễn và bài học kinh nghiệm*.
- Viện Dân tộc (Ủy ban Dân tộc). (2006b). *Nghiên cứu về Định canh - Định cư ở Việt Nam*.
- Viện Dân tộc (Ủy ban Dân tộc). (2008). *Cơ hội và thách thức đối với vùng dân tộc thiểu số khi Việt Nam gia nhập WTO*.

SYSTEMATIZING AND EVALUATING RESEARCH WORKS ON ETHNIC POLICIES OF VIETNAM FROM 1986 TO THE PRESENT

Trinh Quang Canh

Vietnam Academy for Ethnic Minorities
Email: canhtq@hvd.edu.vn

Received: 13/7/2019
Reviewed: 18/8/2019
Revised: 29/8/2019
Accepted: 25/9/2019
Released: 30/9/2019

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/322>

Abstract

Systematizing and evaluating researches on ethnic policies is a statistical activity, gathering studies on ethnic policies, and arranging these works according to a set of defined criteria, into a whole to facilitate the formation of an overall, general and comprehensive view of ethnic policy. From the theoretical basis of “systematizing” and “evaluating” research works on ethnic policy from 1986 up to now, the successes and gaps in ethnic policy research and promulgation of ethnic policies have been found. On that basis, recommendations and enactment of ethnic policies in the period of 2019-2025 and the next period are aimed at implementing well the Party’s renovation policy in the period of accelerating the cause of industrialization, modernization and international economic integration in ethnic minority and mountainous areas.

Keywords

Systematize research works; Ethnic policy; Evaluation of research works; Ethnic minority and mountainous areas.